

DOANH NGHIỆP VIỆT NAM TRONG HỘI NHẬP KINH TẾ TOÀN CẦU CƠ HỘI VÀ THÁCH THỨC.

Lê Thành Ý*

Cách mạng Khoa học và Công nghệ góp phần chuyển đổi nhanh cơ cấu nền kinh tế, thúc đẩy nhân loại chuyển từ kỷ nguyên công nghiệp sang hậu công nghiệp và bước vào xã hội thông tin đang đòi hỏi phải tổ chức lại thị trường thế giới. Các tập đoàn và công ty xuyên quốc gia gia tăng hoạt động, tạo làn sóng chuyển dịch kinh tế giữa các quốc gia, làm sâu sắc thêm xu thế quốc tế hoá quá trình sản xuất với sự phân công lao động và chuỗi giá trị ngày càng phong phú. Phát triển lực lượng sản xuất, chuyển dịch cơ cấu kinh tế ở từng nước tạo động lực thúc đẩy toàn cầu hoá mạnh trong xu thế hội nhập kinh tế. Việt Nam đã hội nhập trên các kênh mậu dịch tự do song phương(FTA); khu vực(RTA) và trên quy mô toàn cầu(WTO; những hội nhập này tạo cơ hội đồng thời cũng đặt doanh nghiệp Việt Nam vào nhiều thử thách lớn lao trước những biến động của kinh tế toàn cầu.

1. Thế giới năm 2009 từ góc nhìn chính khách và các nhà phân tích

Thế giới đang phải đối mặt với cuộc khủng hoảng tài chính lớn nhất trong vòng 80 năm gần đây. Các dự báo ngắn hạn đều cho rằng, năm 2009 sẽ vô cùng khó khăn, đánh giá bi quan về khả năng tăng trưởng. Tổ chức Liên hợp quốc cho rằng, kinh tế thế giới năm nay chỉ có thể tăng trưởng 1%, còn Quỹ tiền tệ IMF dự báo, kinh tế toàn cầu chỉ tăng 0,5%; trong đó, các nước phát triển giảm 2%, nhiều nước rơi vào suy thoái.

Trên tờ Economist tháng 12 năm 2008, Daniel Franklin nhận xét : “ Đối với nền

kinh tế, công việc kinh doanh cũng như chính trị, năm 2009 hứa hẹn là một năm đen tối điều chỉnh một thế giới đã thay đổi... Dư chấn của cuộc khủng hoảng tài chính năm 2008 đang dội đến; sau sự phát triển phi thường, GDP thế giới tăng trưởng hàng năm 4-5%, giảm xuống dưới 3%; những nền kinh tế giàu có phải đối mặt với suy thoái mà hậu quả là những vụ phá sản và nạn thất nghiệp, còn trong thế giới đang nổi lên, nhịp độ tăng trưởng đặc biệt sẽ giảm mạnh so với trước...” (Daniel Franklin 2008).

•Lahshmi Mattal, Giám đốc điều hành Arcelor Mital cho rằng: “Sự chênh lệch về tốc độ phát triển cho thấy khối BRIC và những đối tác nhỏ hơn có thể theo kịp các nước G8; chúng ta đang chứng kiến sự thiết lập trật tự kinh tế mới, trong đó các cường quốc kinh tế lớn như Mỹ sẽ tiếp tục có ảnh hưởng đáng kể nhưng các nền kinh tế mới như Trung Quốc sẽ có sức nặng ngày càng lớn. Quá trình toàn cầu hoá kinh tế mang lại lợi ích lớn cho hàng triệu người trong thế giới đang phát triển với tiềm năng ảnh hưởng đến hàng tỷ người khác. Sự giàu có ngày càng tăng ở các nước chưa phát triển tuy chưa đạt đến bằng mức sống của những nền kinh tế tiên tiến, nhưng đã đưa thu nhập (GDP) bình quân đầu người toàn thế giới mỗi năm một cao. Các nền kinh tế đang nổi lên sẽ cung cấp không chỉ nguyên vật liệu và nhân công giá rẻ mà quan trọng là

* Lê Thành Ý, Tiến sĩ, nguyên cán bộ Viện Nghiên cứu Quản lý kinh tế Trung Ương

cung cấp khả năng và tính sáng tạo của con người” (Lahshmi Mattal 2008).

Phân tích về những thách thức nhân loại phải đối mặt, Tổng thư ký Liên hợp quốc Ban Ki-Moon nhấn mạnh: “Thế giới trong năm 2009 báo hiệu đầy rẫy những căng thẳng và lựa chọn khó khăn giữa những đòi hỏi của hiện tại và tương lai. Cộng đồng thế giới phải vượt qua 3 thử thách lớn, trước hết là biến đổi khí hậu là mối đe dọa thực sự và duy nhất đến sự tồn tại; tiếp đến là kinh tế. Để đối phó với khủng hoảng đang cần một lực đẩy toàn cầu và thách thức thứ 3 chính là chủ nghĩa thực dụng” (Ban Ki-Moon 2008).

Cũng theo Ban Ki-Moon, khủng hoảng hiện nay của thế giới còn bao gồm những mối đe dọa khác đó là mất an ninh lương thực, bất ổn định của thị trường năng lượng, nguyên liệu và tình trạng nghèo đói kéo dài. Cuộc khủng hoảng tài chính, nếu khắc phục không đúng cách có nguy cơ trở thành cuộc khủng hoảng của nhân loại, bất ổn chính trị xã hội gia tăng sẽ làm kịch phát mọi vấn đề. Biện pháp giải quyết khủng hoảng tài chính cần đặt trong lợi ích của tất cả các quốc gia, từ những nước nghèo nhất tới nước giàu có và hùng mạnh nhất; không thể sử dụng khủng hoảng tài chính hiện nay như một lý do cáo lỗi để biện minh cho giảm hỗ trợ quốc tế cho phát triển.

Các nền kinh tế lớn đã đưa ra những kế hoạch giải cứu thị trường tài chính đầy tham vọng; nhiều Chính phủ đã thể hiện tích cực trong phối hợp chính sách, xử lý thông minh việc đưa các khoản tiền cứu trợ vào đầu tư tạo nền tảng cho một tương lai ổn định và phồn vinh. Tại Trung Quốc, 1/3 chương trình thúc đẩy kinh tế của Chính phủ trị giá 586 tỷ USD được dành cho cơ sở hạ tầng và tăng trưởng xanh, thể hiện ý chí loại bỏ cùng lúc nhiều thách thức hướng vào tạo việc làm, dự trữ năng lượng và chống biến đổi khí hậu. ý chí chính trị không thể thiếu trong biến đổi ý tưởng thành hành động, đó cũng là yêu cầu cần có để cân bằng lợi ích giữa các đối tác trong dài hạn.

Nhằm đối phó với nguy cơ suy thoái, nhiều Chính phủ đã chi một lượng tiền khổng lồ để giải cứu nền kinh tế. Tại Mỹ, gói kích cầu thứ nhất trị giá 700 tỷ USD đưa ra đã giải ngân được gần 400 tỷ và mới đây, gói thứ II, 787 tỷ USD (bằng 6% GDP nước Mỹ) đã được thông qua. Cùng với Mỹ, Liên minh châu Âu E.U đã đưa ra khoản kích cầu chừng 260 tỷ USD và Nhật Bản đã công bố gói kích thích 117 tỷ USD và đang xem xét gói thứ 2 với dự kiến 830 tỷ USD. Các quốc gia còn lại ở nhiều khu vực đều có những ngân khoản kích cầu trị giá nhiều tỷ USD. Mặc dù chưa có kết quả cụ thể, song những dự báo lạc quan đều cho rằng, có thể chặn được đà suy giảm và triển vọng kinh tế toàn cầu sẽ tùy thuộc vào hiệu quả triển khai những gói kích cầu khổng lồ của Mỹ, Trung Quốc và những nền kinh tế lớn.

2. Tác động khủng hoảng tài chính và vấn đề đặt ra đối với doanh nghiệp Việt Nam

Trong hội nhập toàn cầu, độ mở của nền kinh tế Việt Nam ngày càng rộng với kim ngạch xuất khẩu chiếm trên 70% GDP và làn sóng đầu tư nước ngoài gia tăng mạnh, đã đưa tỷ trọng đầu tư xã hội lên 40% GDP. Thực tế này khiến tăng trưởng kinh tế Việt Nam đang phụ thuộc khá lớn vào những yếu tố tác động từ bên ngoài.

Phân tích của các nhà nghiên cứu thời gian gần đây cho thấy, do nhu cầu quốc tế thu hẹp, xuất nhập khẩu giảm sút nhanh (2 tháng đầu năm 2009, giá trị xuất khẩu bằng 80% và nhập khẩu chỉ bằng 58% so với bình quân tháng cùng thời gian năm 2008); đầu tư nước ngoài ít đi (theo Viện Tài chính Thế giới IIF, dòng vốn đầu tư thế giới vào những thị trường mới nổi năm 2009 giảm khoảng 3 lần). Cùng với xuất nhập khẩu, đầu tư gián tiếp và kiều hối cũng chịu những tác động tiêu cực; người đi du lịch ít hơn và nhu cầu tiêu dùng nội địa cũng giảm sút theo (Trương Đình Tuyển 2009). Thực tế diễn ra đã tác động trực tiếp đến tăng trưởng và ổn định kinh tế vĩ mô, chắc chắn sẽ ảnh hưởng mạnh đến tăng trưởng và hoạt động của

doanh nghiệp trong nước. Thách thức đối với doanh nghiệp, đặc biệt là những doanh nghiệp vừa và nhỏ sẽ là không ít.

Thách thức cơ bản đối với doanh nghiệp trong biến động của thị trường thế giới thể hiện rõ ở năng lực cạnh tranh và phản ứng linh hoạt trước những biến động thị trường. Những nhân tố thiếu ổn định trong kinh tế toàn cầu của thị trường dầu mỏ, vốn đầu tư và thị trường tài chính... đã ảnh hưởng trực tiếp đến tính ổn định của thị trường trong nước. Thực tế này chi phối mạnh hoạt động sản xuất kinh doanh theo chiều hướng bất lợi cho doanh nghiệp Việt Nam. Đại bộ phận doanh nghiệp trong nước là những doanh nghiệp nhỏ, mới hình thành, còn hạn chế về khả năng quản trị; đặc biệt thiếu khả năng phân tích dự báo, năng lực phản ứng chính sách, phòng ngừa rủi ro thấp dễ dẫn đến bị động, thua thiệt, thậm chí phá sản trước những biến động diễn ra.

Trong hội nhập kinh tế toàn cầu, cạnh tranh diễn ra ngày thêm gay gắt. Theo lộ trình WTO, năm 2009 Việt Nam phải mở cửa thị trường cho doanh nghiệp nước ngoài, cạnh tranh sẽ không còn giới hạn trong nước mà bao gồm cả với doanh nghiệp và công ty ở nước ngoài; không chỉ trên thị trường quốc tế mà ở chính trong thị trường nội địa. Doanh nghiệp làm ra sản phẩm tốt, giá thành hạ chưa chắc đã đến được người tiêu dùng nếu năng lực tổ chức thị trường, khả năng tiếp xúc thương mại không tốt. Như vậy là, cạnh tranh đã chuyển sang cấp độ mới, cao hơn. Muốn chiếm lĩnh thị trường, phải xây dựng được mạng lưới kinh doanh rộng lớn và thu hút được người tiêu dùng về phía sản phẩm của mình. Từ thách thức này, hàng loạt vấn đề mà doanh nghiệp phải tập trung xây dựng đó là nguồn nhân lực có kỹ năng, đổi mới công nghệ, quản lý và quản trị doanh nghiệp...

Từ những biến đổi nhanh chóng và sâu sắc trên phạm vi toàn cầu, các nhà phân tích chỉ ra 2 yếu tố mang tính quyết định đối với doanh nghiệp, doanh nhân trong quá trình lập nghiệp, đó là tư duy và tốc độ. Quy mô

nhỏ chưa hẳn là bất lợi mà tốc độ phát triển mới chính là cơ sở để ra quy mô và trong tư duy hiện đại, cái hôm qua không hẳn đúng với hôm nay và ngày mai trong một thế giới không ngừng biến động.

Doanh nghiệp Việt Nam nhất là những doanh nghiệp vừa và nhỏ (DNVVN) mang những đặc thù. Nét riêng doanh nghiệp cho phép người quản lý có thể lợi dụng được lợi thế cơ hội thị trường mở rộng để phát triển kinh doanh, tham gia vào các công đoạn của chuỗi giá trị toàn cầu bằng chiến lược đầu tư kinh doanh thích hợp. Trong điều kiện khoa học công nghệ không ngừng phát triển, quá trình tự do hoá chuyển giao công nghệ toàn cầu tạo cơ hội cho doanh nghiệp nhỏ nhanh chóng tiếp thu công nghệ mới ít tốn kém. Nhờ vậy, có thể thích ứng nhanh hơn với những biến động thị trường và việc tái cấu trúc sẽ linh hoạt và đỡ tốn kém hơn so với những doanh nghiệp lớn, muốn đổi mới phải tốn phí nhiều trong thay thế công nghệ và thiết bị cũ.

Để khai thác lợi thế có thể của số đông doanh nghiệp nước ta, trong một Hội thảo gần đây (Megatrend 2.009), nguyên Bộ trưởng Bộ Thương mại Trương Đình Tuyển cho rằng: Doanh nghiệp cần lựa chọn một chiến lược kinh doanh đúng đắn, tập trung vào lựa chọn sản phẩm và thị trường trên cơ sở phân tích lợi thế so sánh và luôn tìm cách duy trì, tạo lợi thế mới để chiếm lĩnh được những công đoạn có giá trị gia tăng cao trong chuỗi giá trị sản phẩm toàn cầu. Vấn đề không phải là làm ra sản phẩm tốt nhất mà là sản phẩm phù hợp nhất (Michael E. Porter 2009), là phân lớp thị trường, khách hàng; phân khúc thị trường và khách hàng sao cho phù hợp với lợi thế và khả năng của doanh nghiệp.

Lợi thế cạnh tranh doanh nghiệp tạo ra nhờ những đổi mới; trong đó, công nghệ sản xuất, quy trình quản lý và chất lượng nguồn nhân lực là nhân tố quyết định để chuyển mô hình tăng trưởng với đầu vào chủ yếu là vốn sang tăng trưởng do các yếu tố năng suất tổng hợp. Thực tế đã chỉ ra, mô hình

năng suất tổng hợp đảm bảo việc tạo ra năng suất cao với chi phí thấp, có khả năng chống chịu cao với rủi ro và biến động từ bên ngoài. Phát triển bền vững doanh nghiệp chỉ thuận lợi khi khi thiết lập được quan hệ hợp tác không chỉ phụ thuộc quan hệ dọc của chuỗi sản phẩm, liên kết cụm ngành mà cần theo cả chiều ngang với những doanh nghiệp khác trên nguyên tắc cùng chia sẻ lợi ích, với nhận thức cạnh tranh không loại trừ hợp tác và hợp tác chính là giải pháp bổ sung để phát huy ưu thế của doanh nghiệp vì lợi ích khách hàng.

3. Chính sách Nhà nước và việc doanh nghiệp cần làm

Trong thời kỳ suy thoái, người ta thường nhấn mạnh trọng cầu. ở nước ta, tăng trưởng giảm có nguyên nhân từ kinh tế toàn cầu nhưng quan trọng là sự tiếp biến mang tính quy luật của lạm phát đã hạn chế nhu cầu sản xuất, đầu tư và tiêu dùng cá nhân; do vậy, kích cầu đầu tư và kích cầu tiêu dùng đã được coi là giải pháp cơ bản. Ngày 11 tháng 12 năm 2008, Chính phủ ra Nghị quyết 30/2008/NQ-CP, xác định nhiệm vụ trọng tâm, cấp bách trong năm 2009 là phải tập trung mọi nỗ lực để chủ động ngăn chặn suy giảm kinh tế, thúc đẩy sản xuất, kinh doanh, đẩy mạnh xuất khẩu, kích cầu đầu tư và tiêu dùng, bảo đảm an sinh xã hội và phấn đấu tăng trưởng kinh tế năm 2009 ở mức khoảng 6,5 %. “Với vai trò vừa là người cung ứng vừa là nhà tiêu thụ, doanh nghiệp Việt Nam sẽ là nơi chịu tác động trực tiếp của cả nội dung kích cầu đầu tư và kích cầu tiêu dùng theo những giải pháp trọng điểm của nghị quyết Chính phủ”. (Trương Đình Tuyển 2009).

Trong kích cầu đầu tư, giải pháp Chính phủ đưa ra tập trung vào công trình hạ tầng giao thông quan trọng; xây dựng kết cấu hạ tầng nông nghiệp/nông thôn; nhà ở xã hội, trợ giúp xây nhà cho hộ nghèo; đầu tư cho 61 huyện nghèo nhất nước với nguồn vốn 300.000 tỷ VNĐ (gấp 2,54 lần năm 2008). Chính phủ chủ trương thực hiện bảo lãnh tín dụng, tạo thuận lợi cho doanh

nh nghiệp tiếp cận được với nguồn vốn của các ngân hàng

Về kích cầu tiêu dùng, ngoài chính sách giảm thuế, hoãn thời gian nộp thuế; Chính phủ có chính sách hỗ trợ tiêu dùng như trợ cấp cho người thu nhập thấp, điều chỉnh tăng lương tạo thị trường cho sản xuất kinh doanh. Để tạo nguồn cung với giá thấp, Chính phủ cũng đưa ra gói hỗ trợ lãi suất 4% cho các hoạt động sản xuất kinh doanh, giúp doanh nghiệp hạ giá thành và nâng cao khả năng cạnh tranh sản phẩm.

Trong bối cảnh khủng hoảng tài chính và suy giảm kinh tế toàn cầu, trước chủ trương và giải pháp Chính phủ đưa ra, giới nghiên cứu cho rằng: Thị trường nội địa với trên 86 triệu dân nước ta là thị trường lớn, khả năng khai thác còn nhiều nhất là trên địa bàn các vùng nông thôn. Với tiềm năng nông sản xuất khẩu và kết cấu hạ tầng nông thôn được quan tâm xây dựng, việc làm và thu nhập nông thôn gia tăng sẽ tạo cơ sở thuận lợi cho việc mở rộng thị trường nông thôn. Khai thác, phát triển có hiệu quả thị trường nông thôn là giải pháp cần để bù đắp cho thâm hụt xuất khẩu do nhu cầu thị trường thế giới thu hẹp. Một cảnh báo khác được đưa ra là, trong khi các doanh nghiệp nước ngoài đang rất quan tâm đến thị trường nước ta, chuẩn bị sẵn sàng để đổ vào khai thác, chiếm lĩnh thì các doanh nghiệp trong nước lại ít quan tâm đến thị trường nội địa, nơi có lợi thế về chi phí sản xuất cũng như vận tải rẻ hơn.

Những năm gần đây, khi nền kinh tế nước ta phát triển với tốc độ cao, quá trình tích tụ, tập trung nguồn lực để mở mang nâng cấp cả về quy mô và chất lượng doanh nghiệp đã được mở rộng, song đại bộ phận doanh nghiệp đang ở quy mô nhỏ, triết lý kinh doanh, giá trị cốt lõi của văn hoá doanh nghiệp, chưa được coi trọng; chiến lược phát triển lâu dài chưa được quan tâm đúng mức mà nặng về những mục tiêu ngắn hạn. (Thùy Nhi 2009). Trước những thách thức và cơ hội nêu ra, đòi hỏi doanh nghiệp trong nước phải có cách làm mới; theo đó, cần đặc

biệt quan tâm đến những nội dung nổi bật dưới đây:

1. Tổ chức và khai thác thị trường nội địa, coi đó là cơ sở, là yếu tố đảm bảo tăng trưởng bền vững không chỉ trong điều kiện thị trường xuất khẩu hạn chế mà còn là chiến lược phát triển lâu dài

2. Xây dựng phương án đầu tư kinh doanh để khai thác tốt thị trường do các dự án kích cầu tạo ra từ những công trình đường xá, nhà ở, hạ tầng nông thôn... đến nhu cầu tiêu dùng mở rộng, gia tăng ở khu vực nông thôn.

3. Rà soát lại những công đoạn sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, tạo lập quy trình mới theo hướng hiệu quả, chất lượng với giá cả hợp lý; phát huy lợi thế so sánh để có sản phẩm phù hợp trong chuỗi giá trị gia tăng của thị trường

4. Nhân tố quyết định thành bại của doanh nghiệp là ý chí đổi mới và sự nhất quán lãnh đạo. Thế mạnh của từng đơn vị chỉ có thể phát huy khi người lao động hiểu rõ tình hình, đồng tình cùng chia sẻ, cùng chịu đựng trong khó khăn để cùng tồn tại. Bảo tồn lực lượng là yêu cầu quan trọng trong giai đoạn suy thoái hoặc khủng hoảng để có thể phục hồi nhanh chóng khi khủng hoảng qua đi.

5. Văn hoá doanh nghiệp, nguồn nhân lực, thương hiệu và giá trị thị trường là những

nhân tố chịu tác động mạnh trong nền kinh tế biến động. Theo quy luật sau khủng hoảng, kinh tế phục hồi sẽ tăng trưởng mạnh hơn. Để tăng trưởng, phải cấu trúc lại doanh nghiệp đặc biệt là việc đổi mới công nghệ. Thời điểm suy thoái, máy móc thiết bị và việc chuyển giao công nghệ có giá không cao. Phù hợp với chủ trương kích cầu đầu tư; nắm bắt kịp thời, tận dụng được thời cơ đầu tư công nghệ thích hợp để chiếm lĩnh thị trường ở giai đoạn sau cũng là hướng cần được doanh nghiệp nghiên cứu, thu thập, xử lý thông tin để có phương án lựa chọn đúng đắn.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Ban Ki-Moon (2008), “Những thách thức hiện nay mà quốc tế phải đối mặt”, Bản tin Hoà bình & Phát triển số 19, Hà Nội, tháng 12 năm 2008.
- Daniel Franklin (2008), Thế giới năm 2009, The Economist 8 Decembre 2008 (bản dịch của Quỹ Hoà bình và Phát triển Việt Nam)
- Lahshmi Mattal (2008), “Trật tự kinh tế mới”, Bản tin Hoà bình & Phát triển số 19/2008
- Trương Đình Tuyển(2009), ảnh hưởng của những thách thức trong hội nhập và từ gói kích cầu của Chính phủ tới Doanh nghiệp trong năm 2009, Hà Nội 28/2/2009.
- Thuỳ Nhi, “Suy ngẫm về phương cách làm mới doanh nghiệp”, đăng tại trang web <http://www.doanh-nghiep360.com>